TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2019.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Điệp**
2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 02/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 80A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp 1, xã P M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1970;

Đại chỉ: ấp 1, xã P M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L và anh P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 05/7/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh P chung sống với nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập chị, chị đã nhiều lần nhờ chính quyền địa P can thiệp, nhắc nhở nhưng anh P vẫn không khắc phục, sửa chữa. Từ năm 2008 đến nay, hai vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị

đã nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ mong anh P thay đổi nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị H T, sinh ngày 14/8/1996. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị L về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng và hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 11 năm. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương chị L và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị H T, sinh ngày 14/8/1996. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Nguyễn Văn P P (bản photo).

- Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị H T (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn"*.

Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã P M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình sống chung chị L và anh P không xây dựng được hạnh phúc gia đình nên chị L yêu cầu được ly hôn. Tuy nhiên, chị L và anh P sống chung với nhau không đăng ký kết hôn, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh P thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm lẫn nhau và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh P cho rằng hiện nay anh vẫn còn thương chị L và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn, nhưng anh P không đưa ra được biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị L cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh P. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh P là phù hợp.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị H T, sinh ngày 14/8/1996. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0006755 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị H T, sinh ngày 14/8/1996. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0006755 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Châu Văn Sang